

ĐOÀN NHẬT TÂN  
(Dịch Giả)

# GIÁO LÝ VĂN ĐÁP

(Theo Quan Điểm Tin Lành Báp Tít)

---

MỤC VỤ KHUYẾN HỌC VIỆT NAM  
<http://www.cosvietnam.com>

---

2014



ĐOÀN NHẬT TÂN  
(Dịch Giả)

# GIÁO LÝ VẤN ĐÁP

(Theo Quan Điểm Tin Lành Báp Tít)

---

MỤC VỤ KHUYẾN HỌC VIỆT NAM  
<http://www.cosvietnam.com>

---

2014

“Giáo Lý Vấn Đáp” xuất xứ từ Tiếng Hy Lạp có nghĩa là “dạy giáo lý theo cách truyền miệng”. Về căn bản, “Giáo Lý Vấn Đáp” là cách dạy giáo lý Kinh Thánh qua việc “hỏi” (H.) và “đáp” (Đ.). “Giáo Lý Vấn Đáp” tỏ ra rất hữu hiệu trong việc tập ghi nhớ giáo lý Kinh Thánh căn bản. Dầu vậy, tùy theo cấp độ thông giải và tuyên giảng, “Giáo Lý Vấn Đáp” giúp phát triển các sự nội kiến thuộc linh về giáo lý Kinh Thánh ở mọi mức độ từ sơ cấp cho đến cao cấp. Không phải chỉ tân tín hữu mới cần “Giáo Lý Vấn Đáp” mà tất cả mọi Cơ Đốc Nhân đều phải thành thạo “Giáo Lý Vấn Đáp” và sự thật là chức trách càng cao thì càng phải thông thạo “Giáo Lý Vấn Đáp”!

Theo Paul Washer (Director of HeartCry Missionary Society, 2012 Conference Speaker), “Hiện tượng phần hưng có thể bị cường điệu bởi xúc cảm, sự cuồng tín, sự thần cảm giả mạo, hoặc bất cứ thứ gì của tính xác thịt; chỉ duy nhất sự phần hưng được dựa trên và được thúc đẩy theo các giáo lý Kinh Thánh hợp Kinh Thánh là sự phần hưng thật, đẹp ý Đức Chúa Trời. Vì vậy mà ‘Giáo Lý Vấn Đáp’ hoàn toàn có thể góp phần tích cực cho sự phần hưng thật”.

Tài liệu này, “Giáo Lý Vấn Đáp - Theo Quan Điểm Tin Lành Báp Tít” (The Baptist Catechism 1689), là một tài liệu giáo lý có tính kinh điển của Phong Trào Báp Tít từ những năm 1689 khi “Tuyên Xung Đức Tin London Thứ Nhì 1689” (The Second London Confession of Faith 1689) ra đời.

“Giáo Lý Vấn Đáp”  
(Bản Tiếng Việt)

<http://www.cosvietnam.com>

# GIÁO LÝ VẤN ĐÁP

(Theo Quan Điểm Tin Lành Báp Tít)

- H.1: Đấng Nguyên Thủ của toàn cõi vũ trụ là ai?  
Đ.: Chính Đức Chúa Trời là Đấng Nguyên Thủ của toàn cõi vũ trụ.  
(Ês. 44:6; 48:12; Thi. 97:9)
- H.2: Có phải phận sự của mỗi người là phải tin rằng có Đức Chúa Trời hay không?  
Đ.: Phận sự của mỗi người là phải tin rằng Đức Chúa Trời là thực hữu; và việc không chịu tin như vậy là một tội lớn và là một sự đại dột đối với Ngài.  
(Hê. 11:6; Thi. 14:1)
- H.3: Làm thế nào để biết được là có Đức Chúa Trời?  
Đ.: Sự khải thị của tự nhiên cho con người và công việc của Ngài trong giới thọ tạo giúp công bố rằng hiển nhiên là có Đức Chúa Trời; nhưng chỉ có Lời Ngài trong Kinh Thánh và Đức Thánh Linh của Ngài mới có khả năng giúp bày tỏ đầy đủ và hiệu quả về Đức Chúa Trời và về sự cứu rỗi cho tội nhân.  
(Rô. 1:19-20; Thi. 19:1-3; Công. 17:24; 1Cô. 2:10; 2Ti. 3:15-16)
- H.4: Lời của Đức Chúa Trời là gì?  
Đ.: Kinh Thánh, gồm Kinh Thánh Cựu Ước và Kinh Thánh Tân Ước, là Lời của Đức Chúa Trời, và là khuôn vàng, thước ngọc duy nhất cho đức tin và cho sự vững lời Đức Chúa Trời.  
(2Ti. 3:16; Êph. 2:20)
- H.5: Có phải là tất cả mọi người đều được phép sử dụng Kinh Thánh hay không?

Đ.: Chẳng những tất cả mọi người đều được phép sử dụng Kinh Thánh mà họ còn được Đức Chúa Trời truyền và khuyên phải đọc, nghe, và hiểu Lời Kinh Thánh.

(Gi. 5:38; Khải. 17:18-19; Công. 8:30)

(John 5:39; Luke 16:29; Acts 8:28-30; 17:11)

H.6: Kinh Thánh chứa đựng những điều chủ yếu nào?

Đ.: Chủ yếu Kinh Thánh chứa đựng những điều người ta phải tin về Đức Chúa Trời, và về các phận sự mà Đức Chúa Trời đòi hỏi người ta phải thi hành.

(2Ti. 1:13; 3:15-16)

H.7: Đức Chúa Trời là gì?

Đ.: Đức Chúa Trời là Thần; Ngài là vô hạn, đời đời, bất biến về bản thể, về sự khôn ngoan, về đức thánh khiết, về đức công nghĩa, về đức nhân từ, và về lẽ thật.

(Gi. 4:24; Gióp 11:7-9; Thi. 90:2; Gia. 1:17; Xuất. 3:14; Thi. 147:5; Khải. 4:8; 15:4; Xuất. 34:6)

H.8: Có nhiều thần hay chỉ có một thần?

Đ.: Có nhiều thần nhưng chỉ có duy nhất Đức Chúa Trời là Chân Thần.

(Phục. 6:4; Giê. 10:10)

H.9: Trong Nguyên Vị (tức “cương vị nguyên thủ”) của Thượng Đế (gọi tắt là “Nguyên Vị Thượng Đế”) có bao nhiêu Thân Vị?

Đ.: Nguyên Vị Thượng Đế gồm ba Thân Vị là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Linh; cả ba Thân Vị đều là Đức Chúa Trời, có đồng một bản thể, đồng đẳng với nhau về quyền năng và sự vinh hiển.

(1Gi. 5:7; Ma. 28:19)

H.10: Nguyên Chỉ của Đức Chúa Trời là gì?

Đ.: Nguyên Chỉ của Đức Chúa Trời là mục đích đời đời của Ngài thể theo sự định mạng của ý chỉ Ngài cho sự vinh hiển của Ngài mà bởi đó mọi sự đã, đang, và sẽ xảy ra.

(Êph. 1:4,11; Rô. 9:22-23; Ês. 46:10; Ca. 3:37)

H.11: Đức Chúa Trời thực hiện Nguyên Chỉ của Ngài như thế nào?

Đ.: Đức Chúa Trời đã thực hiện Nguyên Chỉ của Ngài trong công cuộc sáng

tạo thế gian và sự Dụ Ứng Thiên Thượng của Ngài.

(Tham chiếu Kinh Thánh đề nghị cho độc giả Tiếng Việt: Công. 2:22-24; 4:27-28; 17:22-31; Êph. 1:3-14; 1Tê. 3:3 - DG.)

H.12: Sự sáng tạo là gì?

Đ.: Sự sáng tạo là việc Đức Chúa Trời tạo dựng nên muôn vật chỉ từ lời của quyền năng Ngài trong sáu ngày và mọi sự đều tốt đẹp theo ý chỉ của Ngài mà không cần sử dụng đến bất cứ sự gì cả.  
(Sáng. 1; Hê. 11:3)

H.13: Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên loài người như thế nào?

Đ.: Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên loài người, người nam và người nữ, theo hình ảnh Ngài trên phương diện tri thức, sự công nghĩa, và sự thánh khiết cùng với quyền quản trị tất cả mọi loài thọ tạo khác.  
(Sáng. 1:26-28; Côi. 3:10; Êph. 4:24)

H.14: Sự dụ ứng Thiên Thượng của Đức Chúa Trời là gì?

Đ.: Sự dụ ứng Thiên Thượng của Đức Chúa Trời là công việc thánh khiết hơn hết, khôn ngoan hơn hết, quyền năng hơn hết để bảo tồn và điều khiển tất cả các loài thọ tạo của Ngài cùng với mọi hoạt động của các loài thọ tạo ấy.  
(Thi. 145:17; 104:24; Ês. 28:29; Hê. 1:3; Thi. 103:19; Ma. 10:29-31)

H.15: Khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người Ngài đã có sự dụ ứng đặc biệt nào để con người được sống trong tình trạng ấy?

Đ.: Khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người Ngài ban cho con người giao ước về sự sống với Ngài mà điều kiện là sự vâng lời hoàn toàn: Ngài đã cấm họ không được ăn trái của cây biết điều thiện và điều ác để họ khỏi phải bị sự đau đớn và sự chết.  
(Gal. 3:12; Sáng. 2:17)

H.16: Sau khi đã phạm nguyên tội, nguyên tổ của nhân loại có còn được ở trong trạng thái dụ ứng đặc biệt về sự sống với Đức Chúa Trời hay không?

Đ.: Nguyên tổ của nhân loại đã tự ý rời bỏ trạng thái dụ ứng đặc biệt về sự sống với Đức Chúa Trời qua việc phạm tội nghịch mạng Đức Chúa Trời cho nên họ đã không còn được ở trong trạng thái ấy sau khi đã phạm tội.  
(Sáng. 3:6-8, 13; Truyền. 7:29)

- H.17: Tội lỗi là gì?  
Đ.: Tội lỗi là mọi sự dự định vi phạm hoặc vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời.  
(1Gi. 3:4)
- H.18: Tội mà nguyên tổ của nhân loại đã phạm khiến họ bị mất trạng thái dự ứng đặc biệt về sự sống với Đức Chúa Trời ngay khi vừa được tạo dựng là tội gì?  
Đ.: Tội mà nguyên tổ của nhân loại đã phạm khiến họ bị mất trạng thái dự ứng đặc biệt về sự sống với Đức Chúa Trời ngay khi vừa được tạo dựng là tội nghịch mạng mà ăn trái của cây biết điều thiện và điều ác mà Đức Chúa Trời đã cấm họ không được ăn.  
(Sáng. 3:6,12)
- H.19: Có phải cả dòng dõi nhân loại đều đã cùng chịu hậu quả của sự vi phạm của Adam với Adam hay không?  
Đ.: Giao ước của Đức Chúa Trời đã lập không phải chỉ riêng với Adam mà còn với cả hậu tự của Adam nữa cho nên dòng dõi nhân loại lai sinh từ Adam thấy đều phạm tội cùng với Adam, chịu chung hậu quả của tội với Adam.  
(Sáng. 2:16-17; Rô. 5:12; 1Cô. 15:21-22)
- H.20: Nguyên tội của nguyên tổ đã khiến cho cả nhân loại phải rơi vào trạng thái nào?  
Đ.: Nguyên tội của nguyên tổ đã khiến cho cả nhân loại phải rơi vào trạng thái ô nhiễm tội lỗi (ô tội) và sự đau khổ.  
(Rô. 5:12)
- H.21: Những yếu tố nào cấu thành trạng thái ô tội mà nhân loại đã sa vào?  
Đ.: Trạng thái ô tội mà nhân loại đã sa vào được cấu thành bởi tội đầu tiên của Adam, đòi hỏi nguyên thủy của Đức Chúa Trời đối với Adam - tức con người - về sự công nghĩa, và sự hư hoại trong bản chất người của Adam sau khi đã phạm tội đầu tiên - thường được gọi là nguyên tội - cùng với các sự vi phạm khác của Adam phát sinh ra sau khi phạm nguyên tội.  
(Rô. 5:12-21; Êph. 2:1-3; Gia. 1:14-15; Ma. 15:19)
- H.22: Hậu quả khôn khổ của trạng thái ô tội mà nhân loại đã sa vào là như thế



nào?

Đ.: Hậu quả khôn khổ của trạng thái ô tội mà nhân loại đã sa vào là họ đã bị mất sự thông công với Đức Chúa Trời, họ phải bị ở dưới con thịnh nộ và sự rửa sả của Đức Chúa Trời, bị trở nên lâm lụy đối với mọi sự đau khổ trong đời này đến độ sẽ phải chết và sẽ phải chịu sự đau khổ đời đời của Hỏa Ngục.

(Sáng. 3:8, 10, 24; Êph. 2:2-3; Gal. 3:10; Ca. 3:39; Rô. 6:23; Ma. 25:41, 46)

H.23: Có phải Đức Chúa Trời đã để mặc toàn thể nhân loại cứ mãi bị ở trong trạng thái ô tội của mình mà đi vào sự hư mất đời đời hay không?

Đ.: Theo sự nhân từ vô lượng, vô biên của Đức Chúa Trời và ý chỉ thiện hảo của Ngài mà - từ trong quá khứ vô cùng - Đức Chúa Trời đã định cho Ngài những người được chọn vào sự sống đời đời của Ngài, được ở trong giao ước ân điển của Ngài, được cứu thoát khỏi các hậu quả khôn khổ của trạng thái ô tội mà nhân loại đã sa vào, và được đem vào trạng thái được cứu chuộc bởi Đấng Cứu Chuộc.

(Êph. 1:4-5; Rô. 3:20-22; Gal. 3:21-22)

H.24: Ai là Đấng Cứu Chuộc của những người được chọn của Đức Chúa Trời?

Đ.: Đấng Cứu Chuộc duy nhất của những người được chọn của Đức Chúa Trời là Đức Chúa Jêsus Christ; Đấng vốn là Con Một của Đức Chúa Trời, Đấng đã tự mặc lấy nhận trạng mà trở thành người nhưng vẫn mãi mãi là Đức Chúa Trời và đã trở thành Đấng Thần Nhân với hai bản chất khác nhau mà vẫn mãi mãi chỉ là một Thân Vị.

(1Ti. 2:5-6; Gi. 1:14; Gal. 4:4; Rô. 9:5; Lu. 1:35; Côi. 2:9; Hê. 7:24-25)

H.25: Làm thế nào mà Đấng Christ vốn là Con Một của Đức Chúa Trời lại đã có thể trở thành người được như thế?

Đ.: Đấng Christ, Con Một của Đức Chúa Trời, đã trở thành người bằng việc tự mặc lấy cho Ngài một thân người và một linh hồn người thực sự; Ngài đã được thai dục bởi quyền phép của Đức Thánh Linh trong lòng Trinh Nữ Mari, đã được Trinh Nữ Mari hạ sinh đồng trinh, và hoàn toàn vô nhiễm tội.

(Hê. 2:14-16; 10:5 Ma. 26:38; Lu. 1:27, 31, 34, 35, 42; Gal. 4:4; Hê. 4:15; 7:26)

H.26: Trong cương vị là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta Đức Chúa Jêsus Christ thi hành các chức trách nào?

Đ.: Trong cương vị là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta Đức Chúa Jêsus Christ thi hành chức trách của Nhà Tiên Tri, Thầy Tế Lễ, và Vua cả trong trạng

thái hạ mình lần trong trạng thái được tôn vinh hiển.

(Công. 3:32; Hê. 12:25; 2Cô. 13:3; Hê. 5:5-7; Thi. 2:6; Ês. 9:6-7; Ma. 21:5; Thi. 2:8-11)

H.27: Đức Chúa Jêsus Christ thi hành chức trách Nhà Tiên Tri của Ngài như thế nào?

Đ.: Đức Chúa Jêsus Christ thi hành chức trách Nhà Tiên Tri của Ngài bằng việc khải thị cho chúng ta, qua Lời Ngài trong Kinh Thánh và qua Đức Thánh Linh, ý chỉ của Đức Chúa Trời về chương trình cứu rỗi của Ngài cho chúng ta.

(Gi. 1:18; 2Phi.1:10-12; Gi. 15:15; 20:31)

H.28: Đức Chúa Jêsus Christ thi hành chức trách Thầy Tế Lễ của Ngài như thế nào?

Đ.: Đức Chúa Jêsus Christ thi hành chức trách Thầy Tế Lễ của Ngài bằng việc dâng chính mình Ngài làm sinh tế đền tội thay cho chúng ta để đáp ứng với sự công nghĩa Thiên Thượng và để giúp chúng ta được sự phục hòa trở lại với Đức Chúa Trời, cũng như bằng việc luôn luôn cầu thay cho chúng ta.

(Hê. 9:14, 28; 2:17; 7:24-25)

H.29: Đức Chúa Jêsus Christ thi hành chức trách Vua của Ngài như thế nào?

Đ.: Đức Chúa Jêsus Christ thi hành chức trách Vua của Ngài bằng việc chinh phục chúng ta cho Ngài bởi sự điều khiển của Ngài trên chúng ta và sự bảo vệ của Ngài cho chúng ta, cùng với việc kiểm chế và khuất phục các kẻ thù thuộc linh của Ngài và của chúng ta.

(Công. 15:14-16; Ês. 33:22; 32:1-2; 1Cô. 15:25; Thi. 110)

H.30: Sự hạ mình của Đấng Christ được cấu thành bởi các yếu tố nào?

Đ.: Sự hạ mình của Đấng Christ được cấu thành bởi việc Ngài chịu hạ sinh, thậm chí hạ sinh dưới luật pháp, việc chịu các sự cơ cực của đời này, việc chịu con thình nộ của Đức Chúa Trời, và chịu chết thảm trên Thập Tự Giá, việc chịu chôn trong mồ mả, và việc phải chịu ở trong sự chết trước khi phục sinh.

(Lu. 2:7; Gal. 4:4; Hê. 12:2-3; Ês. 53:2-3; Lu. 22:44; Ma. 27:46; Php. 2:8; 1Cô.15:4; Công. 2:24-27,31; Ma. 12:40)

H.31: Sự tôn ngời của Đức Chúa Jêsus Christ dựa theo các yếu tố nào?

Đ.: Sự tôn ngời của Đức Chúa Jêsus Christ dựa trên sự phục sinh vào ngày

thứ ba từ trong cõi chết của Ngài, sự thăng thiên về Thiên Đàng của Ngài, sự ngự ngôi bên hữu Đức Chúa Cha của Ngài, và dựa trên lẽ thật là Ngài sẽ tái lâm để phán xét thế gian vào ngày cuối cùng.  
(1Cô. 15:4; Mác 16:19; Êph. 1:20; Công. 1:11; 17:31)

H.32: Chúng ta được dự phần cứu chuộc thực hiện bởi Đức Chúa Jêsus Christ như thế nào?

Đ.: Chúng ta được dự phần cứu chuộc thực hiện bởi Đức Chúa Jêsus Christ nhờ sự qui kết hữu hiệu về giá trị cứu chuộc mà Đức Chúa Jêsus Christ đã thực hiện cho chúng ta bởi Đức Thánh Linh.  
(Gi. 1:11-13; Tít 3:5-6)

H.33: Đức Thánh Linh qui kết giá trị cứu chuộc mà Đức Chúa Jêsus Christ đã thực hiện cho chúng ta như thế nào?

Đ.: Đức Thánh Linh qui kết giá trị cứu chuộc mà Đức Chúa Jêsus Christ đã thực hiện cho chúng ta bằng đức tin cứu rỗi mà qua Ngài đã được ban cho chúng ta để nhờ đó chúng ta được hiệp nhất trong Đức Chúa Jêsus Christ thể theo sự kêu gọi hữu hiệu mà Đức Chúa Trời đã dành cho chúng ta.  
(Gi. 6:37,39; Êph. 1:13-14; 2:8; 3:17; 1Cô. 1:9)

H.34: Sự kêu gọi hữu hiệu của Đức Chúa Trời là gì?

Đ.: Sự kêu gọi hữu hiệu của Đức Chúa Trời là công việc của Đức Thánh Linh mà qua đó chúng ta được chứng giải về tội lỗi và tình trạng khốn khổ của chúng ta, tâm trí của chúng ta được soi sáng với các sự hiểu biết về Đức Chúa Jêsus Christ và đổi mới ý chí của chúng ta bằng việc Ngài thuyết phục chúng ta và ban năng lực cho chúng ta tiếp nhận Đức Chúa Jêsus Christ, đem chúng ta vào Tin Lành cứu rỗi của Đức Chúa Trời.  
(Êx. 36:26-27; Gi. 6:44-45; Công. 2:37; 26:18; Php. 2:13; 2Ti. 1:9; 2Tê. 2:13-14)

H.35: Những người được gọi cách hữu hiệu bởi Đức Chúa Trời được hưởng gì trên đời này?

Đ.: Những người được gọi cách hữu hiệu bởi Đức Chúa Trời được hưởng sự xưng công bình, sự nhận làm con, sự nên thánh cùng với các ơn ích khác cặp theo sự xưng công bình, sự nhận làm con, và sự nên thánh ngay từ trong đời này.  
(1Cô. 1:30; Rô. 8:30; Êph. 1:5)

H.36: Sự xưng công bình là gì?

- Đ.: Sự xưng công bình là một động thái thuộc ân điển của Đức Chúa Trời mà bởi đó Ngài tha mọi tội của chúng ta, và kể chúng ta là công bình theo sự nhìn nhận của Ngài nhờ duy nhất sự công bình của Đức Chúa Jêsus Christ được Ngài qui kết cho chúng ta.  
(Rô. 3:24-25; 4:6-8; 5:17-19; 2Cô. 5:19-21; Gal. 2:16; Php. 3:9)
- H.37: Sự nhận làm con là gì?  
Đ.: Sự nhận làm con là một động thái thuộc ân điển của Đức Chúa Trời mà bởi đó chúng ta được nhận vào giữa vòng các con cái của Ngài và có được mọi đặc ân của các con cái của Ngài.  
(Gi. 1:12; Rô. 8:14; 1Gi. 3:1)
- H.38: Sự nên thánh là gì?  
Đ.: Sự nên thánh là một động thái thuộc ân điển của Đức Chúa Trời mà bởi đó cả con người của chúng ta được đổi mới theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và được ban năng lực ngày càng nhiều hơn để chúng ta cứ luôn chết đối với tội lỗi mà luôn sống cho sự công bình.  
(Rô. 4:4-6; Êph. 4:23-24; 2Tê. 2:13)
- H.39: Ngay từ trong đời này, có những ơn ích nào xuất phát hay cập theo sự xưng công bình, sự nhận làm con, và sự nên thánh?  
Đ.: Các ơn ích, ngay từ trong đời này, xuất phát từ hay cập theo sự xưng công bình, sự nhận làm con, và sự nên thánh là sự bảo đảm về tình yêu thương của Đức Chúa Trời, sự bình an của lương tâm, niềm vui trong Đức Thánh Linh, sự gia tăng không ngừng về ân điển, và sự kiên bảo của Đức Chúa Trời đối với sự cứu rỗi của chúng ta cho đến cuối cùng.  
(Châm. 4:18; Rô. 5:1-2,5,17; 1Phi. 1:5; 1Gi. 5:13)
- H.40: Các tín hữu Cơ Đốc nhận được những ơn ích gì từ nơi Đức Chúa Jêsus Christ khi họ qua đời?  
Đ.: Khi qua đời, linh hồn các tín hữu được làm cho trở nên thánh khiết hoàn toàn, và thân thể họ dầu vẫn tiếp tục được liên hiệp với Đức Chúa Jêsus Christ vẫn phải chịu sự yên nghỉ trong mồ mả cho đến kỳ phục sinh.  
(Gióp 19:26-27; Ês. 57:2; Lu. 23:43; 2Cô. 5:1, 6, 8; Php. 1:23; 1Tê. 4:14; Hê. 12:23)
- H.41: Các tín hữu Cơ Đốc nhận được những ơn ích gì từ nơi Đức Chúa Jêsus Christ khi họ phục sinh?  
Đ.: Khi phục sinh, các tín hữu Cơ Đốc được sống lại để ở trong sự vinh hiển sẽ được nhìn nhận cách hiển nhiên và trọn vẹn, sẽ được tha bổng vào

Ngày Đoán Xét, sẽ được ban phước cả xác lẫn hồn cách hoàn toàn trong trạng thái vui hưởng Đức Chúa Trời cho đến đời đời.  
(Ma. 10:32; 25:23; 1Cô. 13:12; 15:43; 1Gi.3:2; 1Tê. 4:17-18)

H.42: Đối với những người không được cứu trên khắp cả thế gian thì sao?  
Đ.: Linh hồn của những kẻ không được cứu trên khắp cả thế gian sẽ được ném vào trong sự dày vò của Địa Ngục, còn thân thể họ thì chờ trong mồ mả, đợi ngày sống lại để chịu phán xét của Đức Chúa Trời.  
(Lu. 16:23-24; Công. 1:25; Giu. 7; 1Phi. 3:19; Thi. 49:14)

H.43: Những người không được cứu sẽ được làm gì vào Ngày Đoán Xét?  
Đ.: Vào Ngày Đoán Xét, thân thể của những người không được cứu sẽ được sống lại từ trong mồ mả, và sẽ cùng với linh hồn của họ bị tuyên án mà đi vào khổ hình Hỏa Ngục không kể xiết cùng với Ác Giả và các quỷ sứ của nó cho đến đời đời.  
(Gi. 5:28-29; Ma. 25:41, 46; 2Tê. 1:8-9)

H.44: Đức Chúa Trời đòi hỏi loài người phải có phận sự gì?  
Đ.: Phận sự mà Đức Chúa Trời đòi hỏi loài người là họ phải vâng phục theo những gì Ngài đã khải thị cho họ.  
(Mi. 6:8; 1Sa.15:22)

H.45: Loại mệnh lệnh vâng phục nào mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho loài người trước nhất?  
Đ.: Loại mệnh lệnh vâng phục mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho loài người trước nhất là loại mệnh lệnh đạo đức.  
(Rô. 2:14-15; 10:5)

H.46: Loại mệnh lệnh về đạo đức được tóm tắt ở đâu?  
Đ.: Loại mệnh lệnh về đạo đức của Đức Chúa Trời dành cho con người được tóm tắt cách cô đọng, súc tích trong Mười Điều Răn.  
(Phục. 10:4; Ma. 19:17-19)

H.47: Mười Điều Răn đã được Đức Chúa Jêsus Christ tóm tắt lại như thế nào?  
Đ.: Sự tóm tắt của Đức Chúa Jêsus Christ về Mười Điều Răn là phải kính yêu Đức Chúa Trời hết lòng, hết linh hồn, hết sức, và hết trí; và yêu tha nhân như yêu chính mình.  
(Ma. 22:37-40)

- H.48: Lời mở đầu của Mười Điều Răn là như thế nào?  
Đ.: Lời mở đầu của Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời như thế này: “Ta là Giêhôva Đức Chúa Trời ngươi, đã rút ngươi ra khỏi xứ Êđípô, là nhà nô lệ”.  
(Xuất. 20:2 20:2)
- H.49: Lời mở đầu của Mười Điều Răn dạy cho chúng ta điều gì?  
Đ.: Lời mở đầu của Mười Điều Răn dạy cho chúng ta rằng vì Đức Chúa Trời là Chúa, là Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Chuộc chúng ta, cho nên chúng ta bắt buộc phải tuân giữ Mười Điều Răn của Ngài truyền cho chúng ta.  
(Lu. 1:74-75; IPhi. 1:15-19)
- H.50: Điều răn thứ nhất trong Mười Điều Răn là như thế nào?  
Đ.: Điều răn thứ nhất trong Mười Điều Răn là như thế này: “Trước mặt Ta, ngươi chớ có các thần khác”.  
(Xuất. 20:3)
- H.51: Điều răn thứ nhất đòi hỏi gì đối với chúng ta?  
Đ.: Điều răn thứ nhất đòi hỏi chúng ta hiểu biết và nhìn nhận Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời chân thật và duy nhất của chúng ta, và chúng ta phải thờ phượng và tôn vinh hiển Ngài cách hiệp nghị.  
(ISứ. 28:9; Phục. 26:17; Thi. 29:2; Ma. 4:10)
- H.52: Điều răn thứ nhất nghiêm cấm về điều gì?  
Đ.: Điều răn thứ nhất nghiêm cấm việc không chịu thờ phượng và tôn vinh hiển Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời chân thật và duy nhất của chúng ta và nghiêm cấm việc thờ phượng và tôn quý bất cứ gì khác ngoài Ngài vì sự thờ phượng là sự mà loài người phải dành cho chỉ duy nhất Ngài mà thôi.  
(Thi. 14:1; 81:10-11; Rô. 1:21, 25-26)
- H.53: Lời phán “Trước mặt Ta” trong điều răn thứ nhất của Đức Chúa Trời có nghĩa như thế nào?  
Đ.: Lời phán “Trước mặt Ta” trong điều răn thứ nhất của Đức Chúa Trời dạy cho chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời là Đấng nhìn thấy tất cả mọi

sự, Ngài luôn xem xét chúng ta và rất bất bình đối với tội thờ phượng bất cứ thần nào khác ngoài Ngài.

(Êx. 8:5-18)

H.54: Điều răn thứ hai trong Mười Điều Răn là như thế nào?

Đ.: Điều răn thứ hai trong Mười Điều Răn là như thế này: “<sup>4</sup>Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất. <sup>5</sup>Ngươi chớ quỳ lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì Ta là Giêhôva Đức Chúa Trời ngươi, tức là Đức Chúa Trời ký tà, hễ ai ghét Ta, Ta sẽ nhân tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời, <sup>6</sup>và sẽ làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến Ta và giữ các điều răn Ta”.

(Xuất. 20:4-6)

H.55: Điều răn thứ hai đòi hỏi gì đối với chúng ta?

Đ.: Điều răn thứ hai đòi hỏi chúng ta phải nghiêm cẩn trong việc đón nhận, thực hiện, duy trì sự thờ phượng tôn giáo và nghi thức tôn giáo theo như Đức Chúa Trời đã dạy trong Lời của Ngài là Kinh Thánh.

(Phục. 32:46; Ma. 28:20; Công. 2:42)

H.56: Điều răn thứ hai nghiêm cấm về điều gì?

Đ.: Điều răn thứ hai nghiêm cấm việc thờ phượng Đức Chúa Trời qua hình tượng hoặc bằng bất cứ phương thức nào không phù hợp theo Lời Ngài trong Kinh Thánh.

(Phục. 4:15-19; 12:31-32; Xuất. 32:5, 8)

H.57: Các lý lẽ nào được cập theo trong điều răn thứ hai của Đức Chúa Trời?

Đ.: Các lý lẽ được cập theo trong điều răn thứ hai của Đức Chúa Trời là lẽ thật về quyền tể trị tối cao của Đức Chúa Trời trên chúng ta, thái độ hiệp nghị đối với Ngài mà chúng ta phải có, và quyền được thờ phượng vốn có của Ngài.

(Thi. 45:11; 95:2-3, 6; Xuất. 34:13-14)

H.58: Điều răn thứ ba trong Mười Điều Răn là như thế nào?

Đ.: Điều răn thứ ba trong Mười Điều Răn là như thế này: “Ngươi chớ lấy danh Giêhôva Đức Chúa Trời ngươi mà làm chơi, vì Đức Giêhôva chẳng cảm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi”.

(Xuất. 20:7)



- H.59: Điều răn thứ ba đòi hỏi gì đối với chúng ta?  
Đ.: Điều răn thứ ba đòi hỏi chúng ta về sự đề cập cách tôn kính và thánh khiết đối với Danh Xung, Danh Hiệu, Mỹ Đức, Qui Điều, Công Nghiệp, và Lời của Đức Chúa Trời.  
(Phục. 28:58; Gióp 36:24; Thi. 68:4; 138:1-2; Mal. 1:11, 14; Ma. 6:9; Khải. 15:3-4)
- H.60: Điều răn thứ ba nghiêm cấm về điều gì?  
Đ.: Điều răn thứ ba nghiêm cấm tất cả mọi sự lạm dụng và báng bổ bất cứ sự chi Đức Chúa Trời sử dụng để bày tỏ Ngài cho chúng ta được biết.  
(Mal. 1:6-7, 12; 2:2; 3:14)
- H.61: Lý lẽ nào được cập theo trong điều răn thứ ba của Đức Chúa Trời?  
Đ.: Lý lẽ được cập theo trong điều răn thứ ba của Đức Chúa Trời ấy là lẽ thật về việc cho dẫu kẻ phạm điều răn này của Đức Chúa Trời có thoát được sự trừng phạt của con người thì cũng sẽ không thoát khỏi sự đoán phạt của Ngài và Ngài sẽ không bao giờ phải chịu tổn thất bởi bất cứ sự vi phạm nào của con người cả.  
(Phục. 28:58-59; 1Sa. 2:12, 17, 22, 24, 29; 3:13)
- H.62: Điều răn thứ tư trong Mười Điều Răn là như thế nào?  
Đ.: Điều răn thứ tư trong Mười Điều Răn là như thế này: “<sup>8</sup>Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh. <sup>9</sup>Người hãy làm hết công việc mình trong sáu ngày; <sup>10</sup>nhưng ngày thứ bảy là ngày nghỉ của Giêhôva Đức Chúa Trời người: Trong ngày đó, người, con trai, con gái, tôi trai tớ gái, súc vật của người, hoặc khách ngoại bang ở trong nhà người, đều chớ làm công việc chi hết; <sup>11</sup>vì trong sáu ngày Đức Giêhôva đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật ở trong đó, qua ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ: Vậy nên Đức Giêhôva đã ban phước cho ngày nghỉ và làm nên ngày thánh”.  
(Xuất. 20:8-11)
- H.63: Điều răn thứ tư đòi hỏi gì đối với chúng ta?  
Đ.: Điều răn thứ tư đòi hỏi chúng ta về việc chúng ta phải giữ ngày thứ bảy trong tuần lễ làm ngày Sa Bát, một ngày biệt riêng ra thánh cho Ngài.  
(Xuất. 20:8-11; Phục. 5:12-14)
- H.64: Trong bảy ngày của tuần lễ, Đức Chúa Trời đã chỉ định phải lấy ngày nào để làm ngày Sa Bát?  
Đ.: Trước khi Đức Chúa Jêsus phục sinh, Đức Chúa Trời đã chỉ định phải



lấy ngày thứ bảy trong tuần lễ làm ngày Sa Bát; và kể từ khi Đức Chúa Jêsus Christ phục sinh thì ngày thứ nhất trong tuần lễ là ngày Sa Bát Cơ Đốc cho đến mãi mãi về sau.

(Xuất. 20:8-11; Phục. 5:12-14; Thi. 118:24; Ma. 28:1; Mác 2:27-28; 16:2; Lu. 24:1, 30-36; Gi. 20:1, 19-21, 26; Công. 1:3; 2:1-2; 20:7; 1Cô. 16:1-2; Khải. 1:10)

H.65: Ngày Sa Bát phải được biệt ra thánh như thế nào?

Đ.: Ngày Sa Bát phải được biệt riêng ra thánh bằng việc phải nghỉ cả ngày kể cả việc lao động và việc giải trí ngoài đời mà đối với các ngày khác trong tuần lễ thì vốn vẫn hợp lẽ, ngoại trừ công việc khẩn cấp hoặc cứu tế; và bằng việc phải sử dụng thời gian của ngày Sa Bát cho việc thờ phượng Đức Chúa Trời chung với người khác hoặc chỉ cho riêng cá nhân mình.

(Xuất. 16:25-28; 20:8, 10; Nê. 13:15-22; Thi. 92; Ês. 66:23; Ma. 12:1-13; Lu. 4:16)

H.66: Điều răn thứ tư nghiêm cấm về điều gì?

Đ.: Điều răn thứ tư nghiêm cấm việc không thi hành hoặc thi hành cách tắc trách các phận sự được đòi hỏi trong điều răn ấy, và việc báng bỏ ngày Sa Bát bằng sự biếng nhác, hoặc làm những điều ô tội, hoặc những ý nghĩ, lời nói bất xứng, hoặc những công việc lao động và giải trí theo thể tục.

(Giê. 17:24-27; Ês. 58:13; Êx. 22:26; 23:38; Am. 8:5; Mal. 1:13; Công. 20:38)

H.67: Lý lẽ nào được cặp theo trong điều răn thứ tư của Đức Chúa Trời?

Đ.: Lý lẽ được cặp theo trong điều răn thứ tư của Đức Chúa Trời ấy là việc Đức Chúa Trời chỉ cho phép chúng ta được làm các việc lao động hợp lẽ sáu ngày một tuần lễ, việc kêu gọi của Ngài về việc chúng ta phải có các thái độ hiệp nghị trong ngày thứ bảy của tuần lễ, việc Ngài nêu gương giữ ngày thứ bảy của tuần lễ làm ngày nghỉ, và việc Ngài ban phước cho ngày thứ bảy của tuần lễ.

(Xuất. 20:9, 11)

H.68: Điều răn thứ năm trong Mười Điều Răn là như thế nào?

Đ.: Điều răn thứ năm trong Mười Điều Răn là như thế này: “Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi, hầu cho ngươi được sống lâu trên đất mà Giêhôva Đức Chúa Trời ngươi ban cho”.

(Xuất. 20:12)

H.69: Điều răn thứ năm đòi hỏi gì đối với chúng ta?

- Đ.: Điều răn thứ năm đòi hỏi chúng ta về việc tôn trọng danh dự và thực hiện một số nghĩa vụ đối với mỗi người thể theo các địa vị hay các mối quan hệ của họ đối với chúng ta bất luận là cao hơn, ngang bằng, hoặc thấp hơn chúng ta.  
(Rô. 12:10; Êph. 5:21; 1Phi. 2:17)
- H.70: Điều răn thứ năm nghiêm cấm về điều gì?  
Đ.: Điều răn thứ năm nghiêm cấm về việc không thi hành hoặc có hành vi nghịch lại với các phận sự phải tôn trọng danh dự và việc thực hiện một số nghĩa vụ đối với mỗi người thể theo các địa vị hay các mối quan hệ của họ đối với chúng ta.  
(Êx. 34:2-4; Ma. 15:4-6; Rô. 13:8)
- H.71: Lý lẽ nào được cập theo trong điều răn thứ năm của Đức Chúa Trời?  
Đ.: Lý lẽ được cập theo trong điều răn thứ năm của Đức Chúa Trời ấy là lời hứa của Đức Chúa Trời về sự sống lâu và về sự thịnh vượng (trong chừng mực sự thịnh vượng có ích cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời cũng như cho sự tốt đẹp của người được thịnh vượng) cho tất cả những ai chịu tuân giữ điều răn này của Ngài.  
(Phục. 5:16; Êph. 6:2-3)
- H.72: Điều răn thứ sáu trong Mười Điều Răn là như thế nào?  
Đ.: Điều răn thứ sáu trong Mười Điều Răn là như thế này: “Người chớ giết người”.  
(Xuất. 20:13)
- H.73: Điều răn thứ sáu đòi hỏi gì đối với chúng ta?  
Đ.: Điều răn thứ sáu đòi hỏi chúng ta về việc phải thực hiện mọi nỗ lực hợp lẽ để duy trì sinh mạng của bản thân và của tha nhân.  
(1Vua. 18:4; Êph. 5:28-29)
- H.74: Điều răn thứ sáu nghiêm cấm về điều gì?  
Đ.: Điều răn thứ sáu nghiêm cấm về việc kết thúc mạng sống của chính bản thân cũng như việc kết thúc mạng sống của người khác một cách bất hợp lý, hoặc bất cứ sự chi dẫn đến các sự kết thúc như thế.  
(Sáng. 9:6; Công. 16:28)
- H.75: Điều răn thứ bảy trong Mười Điều Răn là như thế nào?  
Đ.: Điều răn thứ bảy trong Mười Điều Răn là như thế này: “Người chớ

phạm tội tà dâm”.

(Xuất. 20:14)

- H.76: Điều răn thứ bảy đòi hỏi gì đối với chúng ta?  
Đ.: Điều răn thứ bảy đòi hỏi chúng ta về việc phải giữ sự khiết bạch trong sinh hoạt giới tính của bản thân và của tha nhân cả trong ý nghĩ, lời nói, và hành vi.  
(1Cô. 7:2-3, 5, 34, 36; Côi. 4:6; 1Phi. 3:2)
- H.77: Điều răn thứ bảy nghiêm cấm về điều gì?  
Đ.: Điều răn thứ bảy nghiêm cấm chúng ta về ý nghĩ, lời nói, và hành vi bất khiết về đời sống giới tính.  
(Ma. 5:28; 15:19; Êph. 5:3-4)
- H.78: Điều răn thứ tám trong Mười Điều Răn là như thế nào?  
Đ.: Điều răn thứ tám trong Mười Điều Răn là như thế này: “Người chó trộm cướp”.  
(Xuất. 20:15)
- H.79: Điều răn thứ tám đòi hỏi gì đối với chúng ta?  
Đ.: Điều răn thứ tám đòi hỏi chúng ta về việc tìm kiếm và gia tăng cách hợp lẽ của cải và sự giàu có của bản thân chúng ta và của tha nhân nữa.  
(Sáng. 30:30; 47:14, 20; Xuất. 23:4-5; Lê. 25:35; Phục. 22:1-5; 1Ti. 5:8)
- H.80: Điều răn thứ tám nghiêm cấm về điều gì?  
Đ.: Điều răn thứ tám nghiêm cấm chúng ta về bất cứ điều gì chúng ta làm hoặc ngăn trở việc tìm kiếm và gia tăng cách hợp lẽ của cải và sự giàu có của bản thân chúng ta và của tha nhân.  
(Châm. 21:17; 23:20-21; 28:19; Êph. 4:28; 1Ti. 5:8)
- H.81: Điều răn thứ chín trong Mười Điều Răn là như thế nào?  
Đ.: Điều răn thứ chín trong Mười Điều Răn là như thế này: “Người chó nói chúng dối cho kẻ lân cận mình”.  
(Xuất. 20:16)
- H.82: Điều răn thứ chín đòi hỏi gì đối với chúng ta?  
Đ.: Điều răn thứ chín đòi hỏi chúng ta về việc duy trì và phát triển sự thật giữa

vòng con người với nhau, và tiếng tốt cho chính chúng ta và láng giềng của chúng ta, nhất là trong việc đứng ra làm chứng về những gì mình biết hay chứng kiến.

(Châm. 14:5, 25; Xa. 8:16; 3Gi. 12)

H.83: Điều răn thứ chín nghiêm cấm về điều gì?

Đ.: Điều răn thứ chín nghiêm cấm chúng ta về bất cứ sự gì gây tổn hại đối với sự thật, hoặc làm tổn hại đến tiếng tốt của láng giềng của chúng ta.

(Lê. 19:16; 1Sa. 17:28; Thi. 15:3)

H.84: Điều răn thứ mười trong Mười Điều Răn là như thế nào?

Đ.: Điều răn thứ mười trong Mười Điều Răn là như thế này: “Người chớ tham nhà kẻ lân cận người, cũng đừng tham vợ người, hoặc tôi trai tớ gái, bò, lừa, hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận người”.

(Xuất. 20:17)

H.85: Điều răn thứ mười đòi hỏi gì đối với chúng ta?

Đ.: Điều răn thứ mười đòi hỏi chúng ta phải hoàn toàn thỏa lòng với điều kiện hiện có của mình với một tinh thần công chính và nhân từ đối với láng giềng của chúng ta, cũng như đối với tất cả những gì thuộc về láng giềng của chúng ta.

(Gióp 31:29; Rô. 12:15; 1Cô. 13:4, 7; 1Ti. 1:5; 6:6; Hê. 13:5)

H.86: Điều răn thứ mười nghiêm cấm về điều gì?

Đ.: Điều răn thứ mười nghiêm cấm chúng ta về việc không chịu thỏa lòng với tình trạng của chúng ta, việc ganh tị hay đố kỵ đối với sự hưng thịnh của láng giềng, hoặc bất cứ loại cảm xúc thất thường nào đối với bất cứ sự gì của láng giềng của chúng ta.

(Phục. 5:21; 1Vua. 21:4; Êxt. 5:13; Rô. 7:7-8; 1Cô. 10:10; Gal. 5:26; Gia. 3:14, 16)

H.87: Liệu trên thế gian này có một người nào đó có khả năng giữ trọn Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời hay không?

Đ.: Kể từ sau cuộc sa bại của nguyên tổ vì nguyên tội thì trên thế gian này không có bất cứ một người thường nào có khả năng giữ trọn Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời mà, trái lại, mỗi người đều vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời hàng ngày trong ý nghĩ, lời nói, và hành động.

(Sáng. 6:5; 8:21; Truyen. 7:20; Rô. 3:9-21; Gal. 5:17; Gia. 3:2-13; 1Gi. 1:8, 10)

- H.88: Có phải là mọi sự vi phạm đối với điều răn của Đức Chúa Trời đều mang tính tàn ác (nặng) như nhau hay không?
- Đ.: Theo tính chất vốn có của một số tội, hoặc theo các tình tiết tăng nặng tội của một số tội, được Đức Chúa Trời kể như là tàn ác, là nặng hơn các tội khác.  
(Thi. 78:17, 32, 56; Êx. 8:6, 13, 15; 1Gi. 5:16)
- H.89: Tất cả mọi tội, bất kể là lớn hay nhỏ, đều đáng phải bị gì?
- Đ.: Tất cả mọi tội, bất kể là lớn hay nhỏ, đều đáng phải chịu con thịnh nộ và sự rửa sả của Đức Chúa Trời trong đời này và cả đời sau nữa.  
(Ca. 3:39; Ma. 25:41; Rô. 6:23; Êph. 5:6; Gal. 3:10)
- H.90: Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta phải như thế nào để có thể tránh khỏi con thịnh nộ và sự rửa sả của Ngài vì tội lỗi của chúng ta?
- Đ.: Để tránh khỏi con thịnh nộ và sự rửa sả của Đức Chúa Trời vì tội lỗi của chúng ta Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta phải đặt đức tin mình nơi Đức Chúa Jêsus Christ, ăn năn tội để được tha và có sự sống đời đời qua việc vận dụng các dự ứng bề ngoài mà Đức Chúa Trời đã dự ứng để thông qua các dự ứng ấy mà đem lại cho chúng ta các ơn ích của sự cứu chuộc.  
(Châm. 2:1-6; 8:33-36; Ês. 55:2-3; Công. 20:21)
- H.91: Đức tin đặt nơi Đức Chúa Jêsus Christ là gì?
- Đ.: Đức tin đặt nơi Đức Chúa Jêsus Christ là đức tin cứu rỗi nhờ đó chúng ta tín thác vào và nhận được sự cứu rỗi duy nhất nơi Đức Chúa Jêsus Christ mà Ngài đã ban cho chúng ta qua Tin Lành.  
(Ês. 26:3-4; Gi. 1:12; Gal. 2:16; Php. 3:9; Hê. 10:39)
- H.92: Thế nào là sự ăn năn cho được sự tha tội để có sự sống?
- Đ.: Sự ăn năn cho được sự tha tội để có sự sống là một ân điển cứu rỗi mà một tội nhân có được từ sự cảm biết thực sự về tội mình, thấu hiểu được sự nhân từ của Đức Chúa Trời trong và qua Đức Chúa Jêsus Christ dẫn đến sự vừa buồn vừa ghét tội lỗi khiến quyết định từ bỏ tội lỗi để quay trở lại với Đức Chúa Trời, quyết lòng vâng phục Đức Chúa Trời trong mọi sự.  
(Ês. 1:16-17; Giê. 3:22; 31:18-19; Êx. 36:31; Giêrêm. 2:12; Công. 2:37-38; 11:28; 2Cô. 7:11)
- H.93: Các dự ứng bề ngoài mà Đức Chúa Trời đã dự ứng để thông qua các dự

ứng ấy mà đem lại cho chúng ta các ơn ích của sự cứu chuộc là những gì?

Đ.: Các dự ứng bề ngoài mà Đức Chúa Trời đã dự ứng để thông qua các dự ứng ấy mà đem lại cho chúng ta các ơn ích của sự cứu chuộc là các qui điều của Ngài, nhất là Lời Ngài trong Kinh Thánh, Phép Báp-têm, Lễ Tiệc Thánh; chính các dự ứng đã được ban này là những sự dự ứng hữu hiệu cho sự cứu rỗi của người được chọn của Đức Chúa Trời.  
(Ma. 28:19-20; Công. 2:42, 46-47)

H.94: Lời của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh được trở thành hữu hiệu đối với sự cứu rỗi như thế nào?

Đ.: Chính Đức Thánh Linh làm cho việc đọc Lời Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh, và nhất là việc giảng Lời Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh trở thành một dự ứng hữu hiệu để thuyết phục và biến cải tội nhân, gây dựng họ trong sự thánh khiết và khích lệ họ qua đức tin để sống đời sống rỗi của người đã được cứu.  
(Nê. 8:8; Thi. 19:8; Công. 20:32; 26:18; Rô. 1:15-16; 10:13-17; 15:4; 1 Cô. 14:24-25; 1 Ti. 3:15-17)

H.95: Lời Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh phải được đọc và nghe như thế nào cho trở thành hữu hiệu đối với sự cứu rỗi?

Đ.: Để cho Lời của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh trở thành hữu hiệu đối với sự cứu rỗi chúng ta phải chú tâm đọc cách cẩn thận, có sự chuẩn bị đầy đủ và thỏa đáng, và phải có sự cầu nguyện; phải chú tâm nghe cách cẩn thận để nhận lấy với đức tin và tình yêu thương, giữ chặt lấy trong lòng, và luôn thực hành trong đời sống của chúng ta.  
(Thi. 119:11, 18; Châm. 8:34; Lu. 8:15; 2 Tê. 2:10; Hê. 4:2; Gia. 1:25; 1 Phi. 2:1-2)

H.96: Phép Báp-têm và Lễ Tiệc Thánh trở thành các dự ứng hữu hiệu cho sự cứu rỗi như thế nào?

Đ.: Phép Báp-têm và Lễ Tiệc Thánh trở thành các dự ứng hữu hiệu cho sự cứu rỗi không phải là do chính các dự ứng ấy mà là do sự ban phước của Đức Chúa Jê-sus Christ và sự vận hành của Đức Thánh Linh cho người nhận lãnh các dự ứng ấy bằng đức tin.  
(Ma. 3:11; 1 Cô. 3:6-7; 12:3; 1 Phi. 3:21)

H.97: Phép Báp-têm là gì?

Đ.: Báp-têm là một qui điều Tân Ước được thiết định bởi chính Đức Chúa Jê-sus Christ; chịu báp-têm là một dấu hiệu về sự thông công với Đức Chúa Jê-sus Christ trong sự chết, sự chôn, và sự phục sinh của Ngài; về

việc được thắp vào Ngài; về việc được tha tội; về việc tự nguyện từ bỏ mình để theo Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsus Christ bằng việc sống một đời sống mới trong Ngài.

(Ma. 28:19; Mác 1:4; Công. 2:38; 22:16; Rô. 6:3-5; Gal. 3:27; Côi. 2:12)

H.98: Phép Báp-têm phải được thực hiện cho ai?

Đ.: Phép Báp-têm phải được thực hiện cho tất cả những ai thực sự xưng nhận sự ăn năn đối với Đức Chúa Trời, có đức tin và sự vâng lời đối với Đức Chúa Jêsus Christ, và sự vâng phục đối với nhau.

(Ma. 3:6; 28:19; Mác 16:16; Công. 2:37-38; 8:36-38)

H.99: Trẻ con, dầu tự nhận đã là tín hữu, có thể được kể là đối tượng của Phép Báp-têm không?

Đ.: Trẻ con trong trạng thái chưa trưởng thành về nhận thức, dầu tự nhận là tín hữu, không thể được làm Phép Báp-têm vì, theo Kinh Thánh, vừa không có mệnh lệnh nào mà cũng không có gương chứng nào liên quan đến việc phải làm Phép Báp-têm cho trẻ con cả.

(Châm. 30:6; Lu. 3:7-8)

H.100: Phép Báp-têm phải được thực hiện cách đúng đắn như thế nào?

Đ.: Phép Báp-têm phải được thực hiện bằng cách chìm nước, tức chìm ngập người chịu báp-têm vào trong nước nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh theo như sự thiết định của chính Đức Chúa Jêsus Christ và sự thi hành của các Sứ Đồ chứ không phải là dội nước hay rảy nước, hay chỉ chìm một phần thân thể vào trong nước theo như một số truyền thống của con người vẫn thường được làm.

(Ma. 3:16; 28:19-20; Gi. 3:23; Công. 8:38; 10:48; Rô. 6:4; Côi. 2:12)

H.101: Phận sự của người đã được báp-têm cách đúng đắn như thế là gì?

Đ.: Phận sự của những người đã được báp-têm cách đúng đắn là phải tham gia vào một Hội Thánh Địa Phương bình thường của Đức Chúa Jêsus Christ để ở đó, qua đó, và nhờ đó mà tuân giữ các mạng lệnh của Đức Chúa Jêsus Christ cách không chê trách được.

(Lu. 1:6; Công. 2:41-42; 5:13-14; 9:26; 1Phi. 2:5)

H.102: Lễ Tiệc Thánh là gì?

Đ.: Lễ Tiệc Thánh là một qui điều Tân Ước được thiết định bởi chính Đức Chúa Jêsus Christ theo đó người dự Lễ phải nhận bánh và chén (rượu) theo như Ngài đã làm để tưởng nhớ đến sự chết đền tội thay của Ngài



trên Thập Tự Giá; người nhận Lễ không được phép nhận với thái độ thủ tục và thể tục mà phải bằng đức tin kẻ mình đang dự phần về thịt và huyết của Ngài trong tất cả các ơn ích cấp theo cho sự trưởng dưỡng đời sống thuộc linh của bản thân.

(Ma. 26:26-28; 1Cô. 10:16; 11:23-26)

H.103: Ai là đối tượng hợp lễ của Lễ Tiệc Thánh?

Đ.: Những ai đã được báp têm thể theo sự xưng nhận cá nhân của mình về việc đặt đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ, đã ăn năn cho được sự tha tội để đến với sự sống sẽ là đối tượng của Lễ Tiệc Thánh.

(Công. 2:41-42)

H.104: Điều gì được đòi hỏi phải có để một người có thể dự Lễ Tiệc Thánh cách hợp lễ?

Đ.: Điều được đòi hỏi để một người có thể được dự Lễ Tiệc Thánh cách hợp lễ là người ấy phải dự Lễ cách xứng đáng qua việc họ phải tự tra xét lòng mình về sự nhận thức hợp Kinh Thánh đối với bánh và chén, về nhu cầu là đức tin họ cần phải được Đức Chúa Jêsus Christ chăm nuôi, về sự ăn năn, về tình yêu thương, về sự vâng phục kẻ e họ ăn bánh, uống chén cách không xứng đáng mà chuốc lấy sự đoán phạt của Đức Chúa Trời.

(1Cô. 5:7-8; 10:16-17; 11:28-29, 31; 2Cô. 13:5)

H.105: Sự cầu nguyện là gì?

Đ.: Sự cầu nguyện là việc trình dâng kỳ vọng, sở ước, sở nguyện của chúng ta cho Đức Chúa Trời, nhân danh Đức Chúa Jêsus Christ, và nhờ sự hỗ trợ của Đức Thánh Linh về những sự phù hợp theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, cùng với sự xưng tội và sự tạ ơn, với lòng tin quyết và nhận biết sự nhân từ của Ngài.

(Thi. 32:5-6; 62:8; Đa. 9:4; Ma. 21:22; Gi. 16:23; Rô. 8:26-27; Php. 4:6; Gia. 1:6; 1Gi. 5:14)

H.106: Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta mẫu mực nào cho sự cầu nguyện?

Đ.: Cả Lời Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh đều là nguyên tắc cho sự cầu nguyện của chúng ta; nhưng mẫu mực cầu nguyện cụ thể mà Đức Chúa Jêsus Christ đã ban cho các môn đồ của Ngài được gọi là “Bài Cầu Nguyện Chung”.

(Ma. 6:9-13; Lu. 11:2-4; 1Gi. 5:14)

H.107: Lời mở đầu của Bài Cầu Nguyện Chung dạy cho chúng ta về điều gì?

Đ.: Lời mở đầu của Bài Cầu Nguyện Chung, ấy là “Lạy Cha chúng tôi ở trên trời”, dạy cho chúng ta biết rằng chúng ta phải đến với Đức Chúa



Trời với tất cả sự cung kính thánh khiết và lòng tin quyết như là con đến gần cha là Đấng vừa có thể giúp vừa sẵn sàng giúp chúng ta; và chúng ta cũng phải nhớ rằng chúng ta phải cầu nguyện cùng với người khác và cho người khác nữa.

(Ma. 6:9; Lu. 11:13; Công. 12:5; Rô. 8:15; 1Ti. 2:1-2)

H.108: Lời cầu nguyện đầu tiên của chúng ta phải dành cho điều gì?

Đ.: Lời cầu nguyện đầu tiên của chúng ta, ấy là “Danh Cha được thánh”, là việc chúng ta cầu xin Đức Chúa Trời ban năng lực cho chúng ta (gồm chính bản thân và người khác nữa) để chúng ta có thể tôn vinh hiển Ngài hầu qua mọi nơi và trong tất cả mọi điều sự vinh hiển của Danh Ngài đều được nhận biết rộng rãi.

(Thi. 67:2-3; 83:1-18; Ma. 6:9; Rô. 11:36)

H.109: Lời cầu nguyện thứ hai của chúng ta phải dành cho điều gì?

Đ.: Lời cầu nguyện thứ hai của chúng ta, ấy là “Nước Cha được đến”, là việc chúng ta cầu xin rằng qui quốc của Satan sẽ bị hủy diệt, và Vương Quốc của Ân Điển sẽ được phát triển, là xin chính bản thân cũng như đồng đạo của chúng ta được đem vào Vương Quốc của Ngài và được kiên bảo trong đó, và cầu xin Vương Quốc của Ngài chóng đến.

(Thi. 68:1, 18; Ma. 6:10; Gi. 17:19-20; Rô. 10:1; 2Tê. 3:1; Khải. 12:10-11; 22:20)

H.110: Lời cầu nguyện thứ ba của chúng ta phải dành cho điều gì?

Đ.: Lời cầu nguyện thứ ba của chúng ta, ấy là “Ý Cha được nên, ở đất như trời!”, là việc chúng ta cầu xin Đức Chúa Trời bởi ân điển của Ngài làm cho chúng ta được biết ý chỉ của Ngài, vâng lời, đầu phục theo ý chỉ của Ngài trong mọi sự cũng giống như các thiên sứ làm như vậy trên Thiên Đàng.

(2Sa. 15:25; Gióp 1:21; Thi. 67:1-7; 103:20-21; 119:36; Ma. 6:10)

H.111: Lời cầu nguyện thứ tư của chúng ta phải dành cho điều gì?

Đ.: Lời cầu nguyện thứ tư của chúng ta, ấy là “Xin cho chúng tôi hôm nay đồ ăn đủ ngày”, là việc chúng ta cầu xin rằng bởi ơn thương xót và ban cho của Đức Chúa Trời chúng ta có thể nhận được phần cung ứng đầy đủ cho những điều tốt đẹp trong đời này và được vui thỏa trong phần cung ứng ấy của Ngài cho chúng ta.

(Sáng. 28:20; Châm. 30:8-9; Ma. 6:11; 1Ti. 4:4-5)

H.112: Lời cầu nguyện thứ năm của chúng ta phải dành cho điều gì?

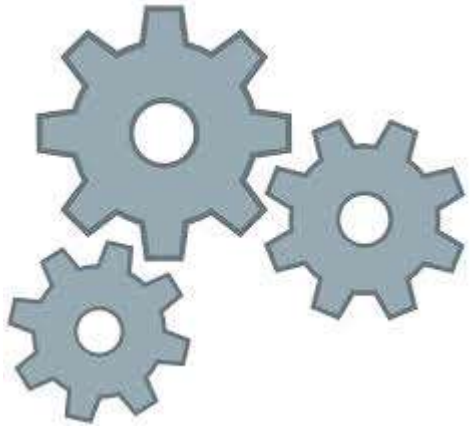
Đ.: Lời cầu nguyện thứ năm của chúng ta, ấy là “Xin tha tội lỗi cho chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ phạm tội nghịch cùng chúng tôi”, là việc chúng ta cầu xin Đức Chúa Trời, vì có Đức Chúa Jêsus Christ, tha tội cho chúng ta; ấy là điều chúng ta nên dạn dĩ cầu xin vì, nhờ ân điển Ngài ban năng lực cho chúng ta, chúng ta vốn đã có sẵn lòng tha thứ cho người phạm lỗi cùng chúng ta.  
(Thi. 51:1-2, 7, 9; Đa. 9:17-19; Ma. 6:12; 18:35; Lu. 11:4)

H.113: Lời cầu nguyện thứ sáu của chúng ta phải dành cho điều gì?  
Đ.: Lời cầu nguyện thứ sáu của chúng ta, ấy là “Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ, mà cứu chúng tôi khỏi điều ác!”, là việc chúng ta cầu xin Đức Chúa Trời hoặc sẽ gìn giữ chúng ta không bị cám dỗ mà phạm tội, hoặc cứu giúp mà đem chúng ta khi chúng ta bị cám dỗ.  
(Ma. 6:13; 26:41; 2Cô. 12:8)

H.114: Lời kết thúc của Bài Cầu Nguyện chung dạy chúng ta về điều gì?  
Đ.: Lời kết thúc của Bài Cầu Nguyện Chung, ấy là “Vì nước, quyền, vinh hiển đều thuộc về Cha đời đời. Amen”, dạy chúng ta lấy lòng dạn dĩ mà cầu nguyện chỉ với duy nhất Đức Chúa Trời, và chúc tụng Ngài bằng sự cầu nguyện của chúng ta, qui kết Vương Quốc, Quyền Năng, và Vinh Hiển đều thuộc về Ngài. Và, để làm chứng cho lòng ước ao có thật của chúng ta, và sự bảo đảm rằng sự cầu nguyện của chúng ta sẽ được Đức Chúa Trời nghe thấu thì chúng ta nói “Amen”.  
(1Sử. 29:10-13; Đa. 9:4, 7-9, 16-19; Ma. 6:13; 1Cô. 14:16; Khải. 22:20-21)







"Nhưng con hãy dạy điều hiệp với đạo lành"  
(Tít 2:1)

---

MỤC VỤ KHUYẾN HỌC VIỆT NAM  
<http://www.cosvietnam.com>

---

2014